TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – KHÁNH HÒA** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/HS-ST
Ngày: 26 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Hà;

Ông Hà Văn Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2025/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2025/QĐXXST - HS ngày 13 tháng 9 năm 2025 đối với:

Bị cáo **Trần Trường S**, sinh năm 1974 tại Quảng Ninh. Hộ khẩu thường trú: B B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hòa; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Văn P (đã chết) và bà Tống Thị B, có vợ là Thái Thị Tú Q và 03 người con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt từ ngày 27/6/2025 đến ngày 11/9/2025 được thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bão lĩnh. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Thái Thị Tú Q, sinh năm 1983. Nơi cư trú: B B, phường B, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Công ty TNHH M1.

Người đại diện theo pháp luật: ông Cao Văn V - Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Phạm Quang H, sinh năm 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã Đ, tỉnh Đồng Nai.

Những người làm chứng:

- Ông Ngô Hoàng V1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Ấp T, xã M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Ấp T, xã M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- Ông Trương Văn T, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Phường A, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Ông Nguyễn Phước T1, sinh năm 1991. Nơi cư trú: B, phường T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- Anh Ngô Quang L, sinh năm 1994. Nơi cư trú: N, phường T, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt).

- Anh Lương Thành M, sinh năm 1998. Nơi cư trú: thôn P, xã N, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ kinh doanh Trần Trường S do ông Trần Trường S đứng tên chủ hộ kinh doanh có trụ sở tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hòa) được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện T, tỉnh Ninh Thuận (cũ) cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 13/10/2023, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 04/3/2025 đối với các ngành, nghề kinh doanh gồm buôn bán kim loại và quặng kim loại; đúc kim loại màu; tái chế phế liệu…Hộ ông S xây dựng cơ sở hoạt động tại thửa đất số 205, tờ bản đồ số 20, diện tích 17.095m^2 (viết tắt thửa đất số 205) toạ lạc tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (nay là thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hòa) do ông Trần Trường S và bà Thái Thị Tú Q (vợ ông S) đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hộ kinh doanh Trần Trường S chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép về môi trường trong các lĩnh vực kinh doanh này.

Sau khi đăng ký kinh doanh, ông S tiến hành xây dựng lò nấu tái chế nhôm, thu mua nguồn nguyên liệu và tuyển dụng người làm thông qua mạng xã hội facebook để thực hiện nấu tái chế nhôm. Đồng thời, ông sinh thuê người đào một hố chứa chất thải kích thước (7,1x33x3)m trên thửa đất số 205 để đổ thải tro nhôm, xỉ nhôm sau khi nấu tái chế nhôm. Từ tháng 12 năm 2023, ông S bắt đầu hoạt động thử lò nấu nhôm. Đến tháng 01 năm 2024 thì bắt đầu hoạt động chính thức (tính từ khi hoạt động đến nay, ông S đã thuê nhiều người làm ở các địa phương khác nhau để nấu tái chế nhôm và hầu hết không ký kết hợp đồng lao động với những người làm thuê). Hộ kinh doanh có 03 lò nấu tái chế nhôm nhưng chỉ hoạt động chính 02 lò vì nguyên liệu và người làm không đủ để hoạt động. Thời gian hoạt động nấu tái chế nhôm là khoảng từ 17 giờ ngày hôm trước đến khoảng 02 giờ sáng ngày hôm sau, mỗi lò có 04 người tham gia nấu tái chế nhôm, mỗi ngày một lò nấu tái chế khoảng 2.000 kilôgam nhôm thành phẩm (trung bình mỗi tháng một lò nấu khoảng 55.000 kilôgam đến 60.000 kilôgam nhôm thành phẩm). Khối lượng tro nhôm, xỉ nhôm thải ra khoảng 100 kilôgam/1.000 kilôgam nhôm thành phẩm. Hàng ngày sau khi nấu tái chế nhôm và thải ra tro nhôm, xỉ nhôm, ông S là người trực tiếp chỉ đạo những người làm thuê xúc tro nhôm, xỉ nhôm đổ trực tiếp ra hố chứa đã đào sẵn. Quá trình tham gia nấu tái chế nhôm và xúc đổ tro nhôm, xỉ nhôm ra hố chứa, những người làm thuê thực hiện theo chỉ đạo của ông Trần Trường S, hoàn toàn

không biết H1 kinh doanh chưa được cơ quan chức năng cấp phép về bảo vệ môi trường.

Ngày 24/3/2025, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường Công an tỉnh N (nay là Công an tỉnh K) phối hợp với Chi cục bảo vệ môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh N (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh K) kiểm tra đột xuất tại H kinh doanh Trần Trường S. Tại thời điểm kiểm tra có 03 lò nấu tái chế nhôm đang hoạt động, quá trình nấu tái chế nhôm thải ra tro nhôm, xỉ nhôm nhưng không thu gom xử lý theo quy định mà trực tiếp đổ, thải vào hố chứa kích thước (7,1x33x3)m đã đào sẵn. Tổ công tác đã thu giữ 06 mẫu chất thải tại các vị trí khác nhau trong hố chứa, đồng thời yêu cầu H1 kinh doanh tạm dừng hoạt động nấu tái chế nhôm và niêm phong 03 lò nấu tái chế nhôm để xác minh làm rõ theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản kiểm tra ghi nhận hiện trường: Tại khuôn viên lò luyện nhôm Trần Trường S, cách 4,4m về hướng Bắc có hố chứa chất thải kích thước (7,1x33x3)m, trong hố có chất thải tro nhôm, xỉ nhôm chất màu đen, dạng cục và vón cục. Khối lượng chất thải chiếm khoảng ½ thể tích hồ chứa. Bề mặt hố chứa lộ thiên, bên trong hố chứa có trộn lẫn nước do hộ kinh doanh xịt chống bụi, chất thải trực tiếp vào bề mặt đất hố chứa.

Tổ công tác tiến hành cho thu gom toàn bộ chất thải trong hố chứa chất thải để lấy mẫu phân tích và đo đạc theo quy định.

Thu giữ 06 mẫu chất thải tro nhôm, xỉ nhôm tại hố chứa chất thải của lò luyện nhôm thuộc Hộ kinh doanh Trần Trường S được đánh số thứ tự M1/Đ1; M2/Đ2; M3/Đ3; M4/Đ4; M5/Đ5; M6/Đ6 thu từ 06 vị trí khác nhau, từ cao đến thấp và niêm phong theo quy định của pháp luật.

Tiến hành đo đạc khối lượng chất thải tro nhôm, xỉ nhôm tại hố chứa chất thải bằng phương pháp sử dụng cân điện tử số. Kết quả cân, đo đạc xác định khối lượng chất thải tro nhôm, xỉ nhôm tổng cộng 50.180 kilôgam.

Ngày 04/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành trưng cầu giám định đối với 06 (sáu) mẫu chất thải đánh dấu M1, M2, M3, M4, M5, M6 thu tại hố chứa chất thải nêu trên của ông Trần Trường S.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp do ông Lê Thanh T2 là người giám định theo vụ việc kết luận: Cả 06 mẫu chất thải rắn được phân tích tại các Phiếu kết quả phân tích số: 0003474.25; số 0003475.25; số 0003476.25; số 0003477.25; số 0003478.25; số 0003479.25 trên đều có giá trị hàm lượng tuyệt đối và giá trị nồng độ ngâm chiết vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại Bảng 2 của QCVN 07:2009/BTNMT. Căn cứ quy định tại điểm b mục 2.1.1 phần 2 QCVN 07:2009/BTNMT, cả 06 mẫu chất thải rắn này được phân định là chất thải nguy hại, tổng cộng khối lượng là: 50.180 kilôgam và chất thải đang lưu trong hố chứa trên là đồng nhất.

06 mẫu chất thải này được phân định là chất thải nguy hại và thông số C (Pb) không thuộc các chất loại trừ tại Phụ lục A Công ước Stockholm về các chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ (POP).

Qúa trình điều tra, cơ quan đã thu giữ: 01 (một) tập tài liệu "CHỨNG TỪ BÁN RA NĂM 2024" được đánh số 01 đến 261; 01 (một) CPU màu đen trước có dòng chữ "GOLDEN FILD"; 01 (một) CPU màu đen mặt trước có dòng chữ "HP" của ông Nguyễn Trường S1 nhưng do không liên quan đến vụ án nên cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho ông S1.

Bản Cáo trạng số: 09/CT-VKSKV6 ngày 12/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa truy tố bị cáo Trần Trường S về tội: *"Gây ô nhiễm môi trường"* theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 235 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố theo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Trường S phạm tội "Gây ô nhiễm môi trường". Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 235; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo S mức án từ 24 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 48 tháng đến 60 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng: khoản 4 Điều 235 Bộ luật hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo S số tiền 50.000.000đ.

Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu huỷ 50.180 kilôgam chất thải nguy hại đã bị thu giữ.

+ Bị cáo S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Khánh Hòa, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Trường S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo, người làm chứng tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2023 đến ngày 24/3/2025, mặc dù chưa được cơ quan chức năng cấp giấy phép về bảo vệ môi trường nhưng Trần Trường S đã tự ý xây dựng lò luyện nhôm, đào hố chứa chất thải kích thước (7,1x33x3)m trên thửa đất số 205, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây hằng năm khác tọa lạc tại thôn B, xã N, tỉnh Khánh Hòa rồi thuê người nấu tái chế nhôm và chỉ đạo người làm sau khi nấu tái chế nhôm đổ chất thải

là tro nhôm, xỉ nhôm ra hố chứa chất thải có kích thước (7,1x33x3)m với khối lượng 50.180 kilôgam chất thải nguy hại, gây ô nhiễm môi trường.

Hành vi của bị cáo S đã vi phạm khoản 1 Điều 6; Điều 83 Luật bảo vệ môi trường. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Khánh Hòa truy tố bị cáo S về tội "*gây ô nhiễm môi trường"* thuộc trường hợp "*Chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường trái pháp luật ... hoặc 50.000 kilôgam trở lên chất thải nguy hại khác*" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 235 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo S là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù bị cáo đăng ký ngành nghề kinh doanh phải thực hiện thủ tục cấp giấy phép bảo vệ môi trường nhưng bị cáo chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép bảo vệ môi trường mà đã trực tiếp thải ra môi trường 50.180 kilôgam chất thải nguy hại.

Hành vi phạm tội của bị cáo S là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, ảnh hướng xấu đến sự trong sạch của nguồn nước, không khí, đất trong môi trường sống của con người. Do đó, cần thiết phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm, phù hợp tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo S là người có nhân thân tốt.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo S thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi xảy ra sự việc, bị cáo đã tác động gia đình chủ động ký kết hợp đồng với Công ty TNHH MTV M2 để xử lý số chất thải nguy hại bị thu giữ (nhưng do đây là vật chứng của vụ án nên cơ quan điều tra chưa cho xử lý), sau đó đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000đ tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Khánh Hòa với mục đích xử lý số chất thải bị thu giữ và tại phiên tòa bị cáo cũng tự nguyện chịu toàn bộ các chi phí liên quan đến việc xử lý số lượng chất thải nguy hại đã bị thu giữ nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ "tự nguyện khắc phục hậu quả" cho bị cáo; cha bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương chiến thắng hạng hai, mẹ bị cáo được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; quá trình công tác tại Công ty cổ phần Đ, bị cáo 02 lần được tặng danh hiệu "lao động tiên tiến". Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo S là người có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo S có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo đang cư trú quản lý, giáo dục, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo S để tăng tính răn đe, giáo dục và nhằm tác dụng phòng ngừa tội phạm chung.

[**6] Về xử lý vật chứng:**

Tịch thu tiêu huỷ 50.180 kilogam chất thải nguy hại là tro nhôm, xỉ nhôm đã bị thu giữ. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc chịu toàn bộ chi phí liên quan đến việc tiêu huỷ 50.180 kilogam chất thải nguy hại này (theo hoá đơn, chứng từ do các cơ quan liên quan cung cấp).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000đ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Đối với bà Thái Thị Tú Q (vợ bị cáo T1) không tham gia vào việc quản lý, điều hành Hộ kinh doanh Trần Trường S và không tham gia giúp sức, chỉ đạo người làm thuê đổ chất thải nguy hại ra môi trường nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là có cơ sở.

- Đối với anh Ngô Hoàng V1, bà Nguyễn Hồng N, ông Trương Văn T, ông Nguyễn Phước T1, ông Ngô Quang L, ông Huỳnh Văn H2 là những công nhân làm thuê cho cơ sở Hộ kinh doanh của bị cáo, họ không biết Hộ kinh doanh của bị cáo hoạt động mà không có giấy phép bảo vệ môi trường, họ thực hiện việc đổ chất thải tro nhôm, xỉ nhôm ra hố chứa sau khi nấu nhôm là theo chỉ đạo của bị cáo Trần Trường S nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

- Đối với Công ty TNHH M1: Qúa trình điều tra xác định được ngày 02/01/2025, bị cáo S có ký kết hợp đồng thu gom xử lý chất thải với Công ty TNHH M1 về việc xử lý chất thải tại Hộ kinh doanh Trần Trường S nhưng trong danh mục chất thải xử lý không có tro nhôm, xỉ nhôm và từ khi ký kết hợp đồng thu gom xử lý chất thải đến nay, bị cáo S chưa liên hệ thông báo cho Công ty TNHH M1 đến xử lý chất thải. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Trường S là người bị kết án nên phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: điểm a khoản 3 Điều 235; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Trần Trường S** phạm tội "*Gây ô nhiễm môi trường*".

Xử phạt bị cáo **Trần Trường S 02 (hai) năm tù** nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **04 (bốn) năm**, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 26/9/2025.

Giao bị cáo Trần Trường S cho Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Khánh Hoà giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 235 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung **bị cáo Trần Trường S 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng)** sung vào ngân sách nhà nước.

2. *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ 50.180 kilogam chất thải nguy hại là tro nhôm, xỉ nhôm được đóng vào 56 bao tải Jumbo (kho lưu trữ, bảo quản đã được niêm phong theo biên bản giữa Đại diện cơ sở, Công an xã N và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Khánh Hòa) theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/9/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh K và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Khánh Hòa.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Trường S về việc chịu toàn bộ chi phí tiêu huỷ 50.180 kilogam chất thải nguy hại trên (theo hoá đơn, chứng từ do các cơ quan liên quan cung cấp).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000đ theo biên lai thu lai thu tiền số 0000403 ngày 09/9/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hoà do bà Thái Thị Tú Q nộp thay bị cáo Trần Trường S để đảm bảo thi hành án.

3. *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Trần Trường S phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/9/2025./.

(Đã giải thích án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSNDKV 6 - Khánh Hoà;
- Phòng THADSKV 6 - Khánh Hoà;
- PV 06 - Công an tỉnh Khánh Hoà;
- CQCSĐT Công an tỉnh Khánh Hoà;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; người có QL&NV liên quan;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thành